**Mẫu 15/BTNN**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 04/2018/TT-BTP ngày 17/5/2018)*

|  |  |
| --- | --- |
| TÊN CƠ QUAN, TỔ CHỨC CHỦ QUẢN (nếu có)  **TÊN CƠ QUAN, TỔ CHỨC**  Số:…../QĐ-…(1)… | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  *……(2)…, ngày … tháng … năm………* |

**QUYẾT ĐỊNH**

**Tạm đình chỉ giải quyết bồi thường**

**CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI ĐỨNG ĐẦU**

**CƠ QUAN GIẢI QUYẾT BỒI THƯỜNG (3)**

Căn cứ Điều 50 Luật Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước năm 2017,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Tạm đình chỉ giải quyết yêu cầu bồi thường của Ông/Bà........(4)…... Địa chỉ: .........(5)...........vì...................(6)...............................

**Điều 2**. ...........................(7).....................................................................

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

**Điều 4.** Ông/Bà.......(4).........và cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận*:**  - Như Điều 4;  - ……(8)..….;  - …….(9).....;  - …….(10).….;  - Lưu: VT, HSVV. | **Thủ trưởng cơ quan**  *(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)* |

***Hướng dẫn sử dụng Mẫu 15/BTNN:***

(1) Ghi chữ viết tắt tên cơ quan giải quyết bồi thường.

(2) Ghi tên địa phương nơi có trụ sở cơ quan giải quyết bồi thường theo cấp hành chính tương ứng.

(3) Ghi chức vụ của người đứng đầu cơ quan giải quyết bồi thường, ví dụ trường hợp Sở A là cơ quan giải quyết bồi thường thì ghi: “Giám đốc Sở A”; trường hợp Ủy ban nhân dân tỉnh A là cơ quan giải quyết bồi thường thì ghi: “Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh A”.

(4) Ghi họ tên người yêu cầu bồi thường theo văn bản yêu cầu bồi thường.

(5) Ghi địa chỉ người yêu cầu bồi thường theo văn bản yêu cầu bồi thường.

(6) Ghi lý do tạm đình chỉ tương ứng với các điểm quy định tại khoản 1 Điều 50 của Luật Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước.

(7) Ghi theo một trong hai trường hợp sau:

*- Trường hợp tạm đình chỉ theo một trong các căn cứ quy định tại các điểm a, b và c khoản 1 Điều 50 Luật Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước thì ghi:*

“Thời hạn tạm đình chỉ giải quyết yêu cầu bồi thường là 30 ngày kể từ ngày Quyết định tạm đình chỉ giải quyết bồi thường này có hiệu lực.

Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày hết thời hạn tạm đình chỉ, Ông/Bà.......*(tên người yêu cầu bồi thường)....*có quyền đề nghị cơ quan giải quyết bồi thường tiếp tục giải quyết bồi thường.

Hết thời hạn tạm đình chỉ mà Ông/Bà không đề nghị tiếp tục giải quyết yêu cầu bồi thường theo quy định tại khoản 2 Điều 50 Luật Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước thì vụ việc yêu cầu bồi thường của Ông/Bà bị đình chỉ giải quyết bồi thường theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 51 Luật Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước.”

*- Trường hợp tạm đình chỉ giải quyết yêu cầu bồi thường theo căn cứ quy định tại điểm d khoản 1 Điều 50 Luật Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước thì ghi:*

“Căn cứ khoản 3 Điều 50 Luật Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước, vụ việc yêu cầu bồi thường của Ông/Bà .......*(tên người yêu cầu bồi thường)....*được tiếp tục giải quyết bồi thường sau khi nhận được văn bản xem xét lại mà văn bản được xem xét lại vẫn là văn bản làm căn cứ yêu cầu bồi thường; trường hợp văn bản được xem xét lại không phải là văn bản làm căn cứ yêu cầu bồi thường thì vụ việc yêu cầu bồi thường của Ông/Bà bị đình chỉ giải quyết bồi thường theo quy định tại Điều 51 Luật Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước”.

(8) Ghi tên cơ quan quản lý nhà nước về công tác bồi thường nhà nước.

(9) Ghi họ tên người giải quyết bồi thường.

(10) Ghi họ tên người thi hành công vụ gây thiệt hại.